

Họ và tên:Lớp:

ĐỀ CƯƠNG
ÔN TẬP GIỮA HKI MÔN TOÁN –
LỚP 4
Năm học: 20.... - 20....

I. SỐ VÀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ	2
1. Số và cấu tạo thập phân của một số	2
2. So sánh số	2
3. Làm tròn số	2
4. Các phép tính	3
5. Tính nhẩm (Các tính chất của phép nhân, phép chia).....	3
6. Biểu thức số và các biểu thức chữ	3
7. Tìm số trung bình cộng.....	4
8. Bài toán liên quan rút về đơn vị.....	4
9. Bài toán giải bằng ba bước tính	4
II. HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG.....	5
1. Chu vi/ diện tích hình chữ nhật/hình vuông	5
2. Đề - xi - mét vuông, mét vuông và quan hệ giữa các đơn vị đó	5
III. MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT.....	6
1. Biểu đồ cột.....	6
2. Dãy số liệu	7
3. Số lần lặp lại của một sự kiện	7
IV. THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM	8
V. ĐỀ ÔN VÀ ĐÁP ÁN	9
ĐỀ ÔN SỐ 1	9
ĐỀ ÔN SỐ 2	11

I. SỐ VÀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ

1. Số và cấu tạo thập phân của một số

- Các số có chữ số tận cùng là 0; 2; 4; 6; 8 là **số chẵn**
- Các số có chữ số tận cùng là 1; 3; 5; 7; 9 là **số lẻ**
- Các số chẵn chia hết cho 2
- Các số lẻ không chia hết cho 2

Bài 1: Trong các số dưới đây, số nào là số chẵn

- A. 5637 B. 3621 C. 5688 D. 4729

Bài 2: Cho dãy số sau đây: 117, 119, 121, ... , 125, 127. Điền vào chỗ trống

- A. 122 B. 123 C. 124 D. 126

Bài 3: Số gồm 3 chục nghìn, 1 nghìn, 7 trăm và 9 đơn vị

Viết số:.....

Đọc số:.....

Viết số thành tổng:.....

Bài 4: Số 562 324 đọc là

- A. Năm trăm sáu hai nghìn ba trăm hai bốn.
B. Năm trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm hai mươi bốn.
C. Năm trăm sáu mươi hai nghìn ba hai mươi bốn.
D. Năm trăm sáu chục nghìn hai nghìn ba trăm hai bốn.

2. So sánh số

Bài 1: Điền dấu <, >, = thích hợp vào chỗ chấm

- a) 6283 6482 b) 5811 + 24 5824
c) 7827 7000 + 800 + 20 + 7 d) 48 829 48 830

Bài 2: Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn: 8316; 8136; 8361; 8166; 8613

.....

3. Làm tròn số

Bài 1: Làm tròn số 47 364 đến chữ số hàng trăm, ta được số

- A. 47 360 B. 47 400 C. 47 000 D. 47 470

Bài 2: Làm tròn số 584 đến chữ số hàng chục, ta được số

- A. 595 B. 590 C. 585 D. 580

Bài 3: Làm tròn số 73 522 đến chữ số hàng nghìn, ta được số

- A. 73 500 B. 73 000 C. 74 000 D. 73 600

4. Các phép tính

Bài 1: Đặt tính rồi tính

a) $12398 + 23043$

b) $98721 - 12099$

c) 2209×8

d) $36045 : 5$

.....
.....
.....
		
		

Bài 2: Tính giá trị biểu thức

a) $(234 + 500) \times 3$

b) $25 + (99 - 33) : 6$

.....
.....
.....
.....

5. Tính nhẩm (Các tính chất của phép nhân, phép chia)

Bài 1: Điền số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm

a) $123 + 345 = \dots\dots\dots + 123$

b) $2345 \times 129 \times 345 = 2345 \times 345 \times \dots\dots\dots$

c) $M \times N \times 0 = M \times \dots\dots\dots \times N = \dots\dots\dots$

Bài 2: Tính bằng cách thuận tiện nhất

a) $233 + 155 + 267 + 345$

b) $15 \times 5 + 85 \times 5$

.....
.....
.....

6. Biểu thức số và các biểu thức chữ

Bài 1: Tính giá trị của biểu thức $(a + b) \times c$

a) Với $a = 12$; $b = 13$ và $c = 4$

b) Khi $a = 7$; $b = 19$ và $c = 5$

.....
.....
.....

7. Tìm số trung bình cộng

Bài 1: Điền từ thích hợp vào chỗ chấm

Muốn tìm số trung bình cộng của nhiều số, ta lấy các số đó cho số các số hạng.

Bài 2: Tìm số trung bình cộng của các số sau

a) 14 và 38

b) 39; 61; 38 và 22

c) 1250; 1063 và 2037

.....

.....

.....

8. Bài toán liên quan rút về đơn vị

<p>Dạng 1</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Tìm giá trị 1 phần ● Tìm giá trị nhiều phần 	<p>Dạng 2</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Tìm giá trị 1 phần ● Tìm số phần được chia
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Bài 1: Có 72 cái sticker đựng đều vào 8 hộp. Hỏi 7 hộp như thế có bao nhiêu cái sticker?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Có 35 cây thước đựng đều vào 5 hộp. Hỏi 63 cây thước như thế đựng được vào bao nhiêu hộp?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

9. Bài toán giải bằng ba bước tính

Bài 1: Một cửa hàng ngày thứ Hai bán được 12 chiếc xe, ngày thứ Ba bán được nhiều hơn ngày thứ Hai 6 chiếc xe, ngày thứ Tư bán được nhiều hơn ngày thứ Ba 9 chiếc xe. Hỏi cả ba ngày, cửa hàng đó bán được bao nhiêu chiếc xe?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 2: Bà em chia 50 quả xoài vào các túi, mỗi túi 5 quả. Bà chia tiếp 42 quả mận vào các túi, mỗi túi 7 quả. Hỏi số túi xoài hay túi mận có nhiều hơn và nhiều hơn mấy túi?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

II. HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

1. Chu vi/ diện tích hình chữ nhật/hình vuông

Bài 1: Tính chu vi hình vuông



.....
.....

Bài 2: Tính diện tích khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 4m và chiều rộng 5 m

.....
.....

2. Đề - xi - mét vuông, mét vuông và quan hệ giữa các đơn vị đó

Bài 1: Điền số thích hợp vào chỗ chấm

a) $3 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

c) $6000 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

b) $300 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

d) $6 \text{ dm}^2 50 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

Bài 2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm

a) $1 m^2 = \dots\dots\dots dm^2$

d) $400 dm^2 = \dots\dots\dots m^2$

b) $700 dm^2 = \dots\dots\dots m^2$

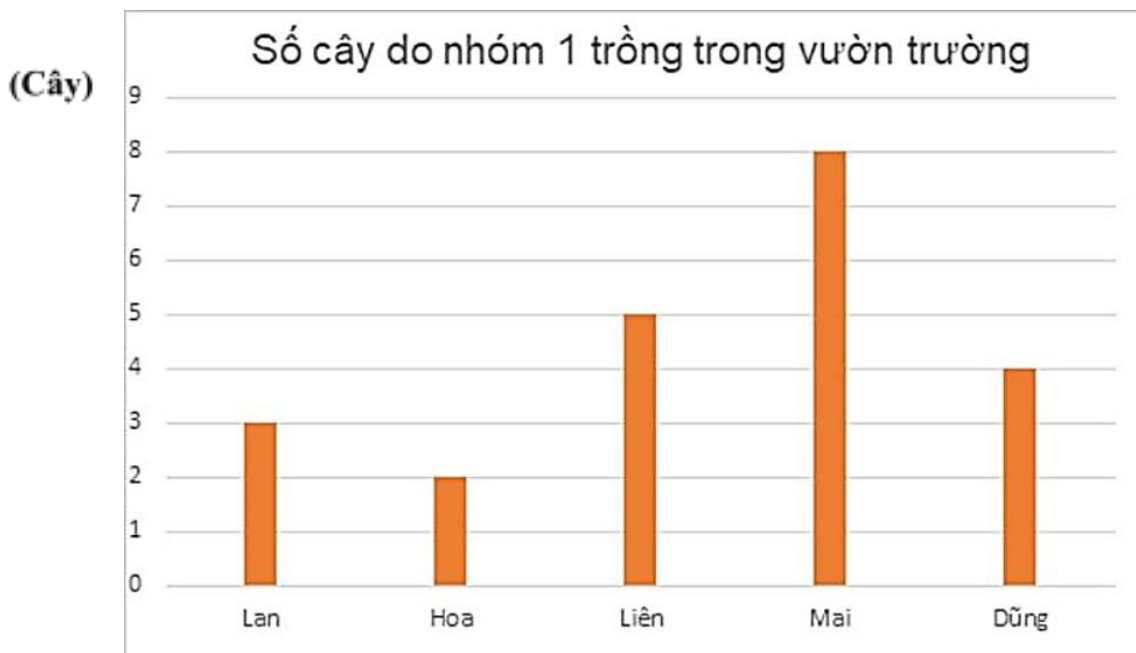
e) $2m^2 = \dots\dots\dots cm^2$

c) $23m^2 = \dots\dots\dots cm^2$

f) $5 dm^2 4 cm^2 = \dots\dots\dots cm^2$

III. MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT

1. Biểu đồ cột



Bài 1: Quan sát biểu đồ sau và thực hiện các yêu cầu sau

a) Số cây mỗi bạn trong nhóm 1 trồng được là:

Lan	Hoa	Liên	Mai	Dũng
.....

b)trồng được nhiều cây nhất vàtrồng được ít cây nhất.

c) Bạn Dũng trồng được nhiều cây hơn bạn





d) Bạn Lan trồng được ít cây hơn bạn


e) Sắp xếp tên các bạn theo thứ tự số cây trồng được từ ít đến nhiều:

.....

2. Dãy số liệu

Bài 1: Quan sát Bảng số lượng mật ong bốn gia đình đã thu hoạch được trong tháng 9 và thực hiện các yêu cầu

Nhà bác Hùng	
Nhà bác Lan	
Nhà bác Mạnh	
Nhà bác Hoa	

Mỗi  chỉ 10 lít mật ong.

a) Em hãy viết dãy số liệu chỉ số lít mật ong theo từng nhà:

.....

b) Sắp xếp dãy số liệu theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....

c) Sắp xếp tên các gia đình theo thứ tự từ ít đến nhiều:

.....

3. Số lần lặp lại của một sự kiện

Huấn luyện viên kiểm tra người tập nhảy xà 50 lần, số lần nhảy qua xà là 40 lần, số lần làm xà bị rơi là 7 lần và số lần không qua xà là 3 lần.

Câu 1: Sự kiện ở đây là gì?

- A. Nhảy không qua xà.
- B. Nhảy qua xà, nhảy làm rơi xà, và nhảy không qua xà.
- C. Nhảy qua xà.
- D. Nhảy làm rơi xà.

Câu 2: Người tập nhảy qua xà được bao nhiêu lần?

- A. 7 lần
- B. 3 lần
- C. 50 lần
- D. 40 lần

Câu 3: Người tập nhảy rơi xà là bao nhiêu lần?

- A. 40 lần
- B. 7 lần
- C. 3 lần
- D. Không lần nào

Câu 4: Dựa vào đâu để biết số lần xảy ra sự kiện?

- A. Huấn luyện viên
- B. Số lần nhảy
- C. Người tập
- D. Không biết được

Câu 5: Sắp xếp các sự kiện từ bé đến lớn?

- A. Không qua xà, làm rơi xà, qua xà
- B. Không qua xà, qua xà
- C. Làm rơi xà, qua xà
- D. Làm rơi xà, không qua xà, qua xà

Câu 6: Huấn luyện viên phải kiểm tra người tập bao nhiêu lần?

- A. 50 B. 40 C. 35 D. 36

IV. THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

Bài 1: Nhân ngày Halloween, thầy cô đã sử dụng hết 300 mảnh vải hình vuông đầy màu sắc để trang trí nền cho góc chụp ảnh, mỗi mảnh vải có cạnh là 3 cm. Hỏi góc chụp ảnh đó có diện tích là bao nhiêu đề - xi - mét vuông?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Trong giờ Mĩ thuật, mỗi tờ giấy hình chữ nhật có chiều dài 30 cm, chiều rộng 18 cm. Cả lớp làm 50 quyển sổ tay. Tính tổng diện tích số giấy màu đã dùng ra đề - xi - mét vuông?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Chúc các em ôn bài tốt nhé!

V. ĐỀ ÔN

ĐỀ ÔN SỐ 1

Phần 1: Trắc nghiệm

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1:

a) Số lẻ trong các số 102; 120; 201; 210 là:

- A. 102 B. 120 C. 201 D. 210

b) Chữ số 3 trong số 23189 có giá trị là:

- A. 3 B. 30 C. 300. D. 3000

Câu 2:

a) Làm tròn số 14594 đến hàng trăm ta được số:

- A. 14500 B. 14600 C. 14694 D. 14700

b) Tính nhẩm: $105 + 48 + 95 = ?$

- A. 200 B. 248 C. 348 D. 448

Câu 3: Bảng lớp hình chữ nhật có chiều dài 30dm và chiều rộng 10dm. Chu vi của bảng lớp là:

- A. 40dm B. 60dm C. 80dm D. 100dm

Câu 4: Kết quả ném bóng của Nam tập luyện chuẩn bị cho hội thao của trường

Số lần ném	100
Số lần ném bóng vào rổ	78
Số lần ném bóng không vào rổ	22

Sự kiện ném bóng vào rổ của Nam xảy ra bao nhiêu lần?

- A. 78 lần B. 100 lần C. 178 lần D. 200 lần

Câu 5: Đặt tính rồi tính

a) $23\ 567 + 11\ 082$

b) $49\ 248 - 18\ 453$

.....
.....
.....

Câu 6: a) Tìm số trung bình cộng của 127, 123, 238 và 212

.....

b) Viết phép tính để tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật với chiều rộng 7m, chiều dài 9m.

Bài giải

Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là:

.....

Đáp số:

Câu 7: Tính giá trị biểu thức: $A = 125 \times 7 \times 8$

.....
.....

Câu 8:

a) Tính giá trị của biểu thức $a + b + c$ với $a = 12$; $b = 9$ và $c = 8$

.....
.....

b) Tính giá trị biểu thức sau bằng cách thuận tiện nhất:

$$63 \times 6 + 137 \times 6$$

.....
.....
.....

Câu 9: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $12\text{dm}^2 5\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

b) $200\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

Câu 10: Trong ngày khai giảng, lớp 4A làm một tấm bảng chào mừng bằng giấy màu hình chữ nhật, dài 40 cm, rộng 25 cm. Hỏi tấm bảng đó có diện tích là bao nhiêu đề-xi-mét vuông?

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Nhận xét của Giáo viên:

.....
.....

ĐỀ ÔN SỐ 2

I. Phần trắc nghiệm

Câu 1: a) Số nào là số lẻ trong các số sau:

- A. 2 030 B. 2 031 C. 2 032 D. 2 132

b) Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: 12 09812 198

- A. > B. < C. = D. Không so sánh được

Câu 2: a) Làm tròn số 34 988 đến chữ số hàng nghìn ta được số

- A. 35 000 B. 34 000 C. 30 000 D. 40 000

b) Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $125 \times 5 \times 4 = \dots\dots\dots$

- A. 500 B. 5 000 C. 2 500 D. 2 000

Câu 3: Một hình vuông có cạnh 3dm thì có diện tích bao nhiêu đề - xi - mét vuông?

- A. 6dm^2 B. 90dm^2 C. 12dm^2 D. 9dm^2

Câu 4: Bạn Nam thực hiện bài tập sút bóng vào khung thành. Sau 50 lần sút bóng, bạn Nam sút vào khung thành 36 lần và sút không vào khung thành 14 lần. Hỏi tên của sự kiện này là gì?

- A. Bạn Nam thực hiện bài tập sút bóng vào khung thành
B. 36 lần
C. Bạn Nam
D. 50 lần sút bóng

II. Phần tự luận

Câu 5: Đặt tính rồi tính

a) $12\,787 + 9\,021$

b) $6\,236 \times 4$

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 6: a) Tìm trung bình cộng của các số sau: 120 ; 240; 160 và 280

.....

a) Em hãy viết phép tính và tính diện tích mảnh đất hình vuông có cạnh dài 4 m

.....
.....

Câu 7: Tính giá trị biểu thức sau bằng cách thuận tiện nhất:

$$A = 355 \times 4 + 645 \times 4$$

.....
.....
.....

Câu 8: Tính giá trị biểu thức: $a \times 2 + b$ với $a = 36$ và $b = 28$

.....
.....
.....
.....

Câu 9: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $10\,005\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{m}^2 \dots\dots\dots\text{cm}^2$

b) $10\text{m}^2\,13\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

Câu 10: Cô giáo mua về 200 viên gạch men hình vuông để lát sàn góc lớp. Mỗi viên gạch có cạnh dài 20 cm. Hỏi diện tích sàn góc lớp được lát là bao nhiêu mét vuông? Biết rằng cô giáo dùng 200 viên gạch để lát kín sàn góc lớp.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....